

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

HÀ NỘI, THÁNG 08 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3655 9257 Fax: (84 - 4) 3873 3648

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Bắc Việt. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi đăng ký kinh doanh như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 03 tháng 02 năm 2010;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 24 tháng 03 năm 2010;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 05 năm 2010.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 05 năm 2010 vốn điều lệ của Công ty là: **108.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

Danh sách cổ đông sáng lập

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, trụ sở chính của tổ chức	Số cổ phần
1	Trần Anh Vương	Số 44 Nguyễn Viết Xuân, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	2.173.000
2	Vũ Hữu Trí	P9 - TT144 Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	2.173.000
3	Tạ Thu Hằng	Số 44 Nguyễn Viết Xuân, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	130.000
4	Nguyễn Hữu Bảo	Thôn Bình Trù, xã dương Quang, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	126.000
5	Phạm Cương	Công ty Thương nghiệp tổng hợp Thái Bình	170.000

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
- Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tôi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
- Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyển phát;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động;
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng
- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính);
- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;
(Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)./.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3655 9257 Fax: (84 - 4) 3873 3648

Văn phòng giao dịch: Số 59 Hàng chuỗi, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Các Công ty con của Công ty gồm :

- Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt
Địa chỉ: Km7, quốc lộ 18, xã Phương Liểu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
Tel: (84 - 241) 3617 331 Fax: (84 - 241) 3617 332
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt
Địa chỉ: thôn Tô Hiệu, xã Đông Quang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Tel: (84 - 36) 3759 392 Fax: (84 - 36) 3759 392
- Công ty TNHH một thành viên Nội thất Bắc Việt
Địa chỉ: Lô 8+9 B1.5 Phan Đăng Lưu, Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Tel: (84 - 511) 3699 777 Fax: (84 - 511) 3699 599
- Công ty Cổ phần Kim Khí Bắc Việt
Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt
Địa chỉ: Km 7, Quốc lộ 18, xã Phương Liểu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Trí	Thành viên
Ông Phạm Cương	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Thành viên
Bà Tạ Thu Hằng	Thành viên
Ông Đặng Đức Dũng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Anh Vương	Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2010 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo các quy định pháp lý hiện hành đối với công ty đại chúng.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT



Trần Anh Vương

Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2010



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số : 670...-10/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 26. tháng 08 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban giám đốc**
Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được lập ngày 30 tháng 07 năm 2010 của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã tiến hành công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ này không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc phỏng vấn các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực và Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo soát xét được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn
Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		142.477.194.373	76.194.676.253
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.862.744.824	9.071.028.652
1 Tiền	111	V.1.	2.862.744.824	9.071.028.652
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		113.378.077.471	27.825.408.682
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	113.566.081.197	23.771.451.343
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	22.732.582	3.373.821.349
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	171.308.036	1.062.180.334
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(382.044.344)	(382.044.344)
IV Hàng tồn kho	140		25.499.418.602	27.570.818.903
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	25.499.418.602	27.570.818.903
V Tài sản ngắn hạn khác	150		736.953.476	11.727.420.016
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		492.696.476	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	-	320.278.823
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	244.257.000	11.407.141.193
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		98.205.410.194	100.618.145.068
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		3.303.912.439	3.312.429.060
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	3.174.580.166	3.183.096.787
- Nguyên giá	222		13.196.979.287	12.644.543.287
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.022.399.121)	(9.461.446.500)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	-	-
- Nguyên giá	228		36.900.000	36.900.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.900.000)	(36.900.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	129.332.273	129.332.273
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		94.889.831.089	97.305.716.008
1 Đầu tư vào công ty con	251	VIII.2.4	82.454.374.089	86.571.259.008
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VIII.2.5	12.435.457.000	7.674.457.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.8.	-	3.060.000.000
V Tài sản dài hạn khác	260		11.666.666	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	11.666.666	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		240.682.604.567	176.812.821.321

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

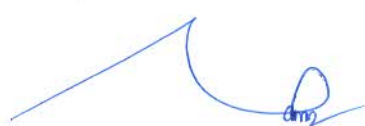
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		119.722.669.351	97.978.650.544
I Nợ ngắn hạn	310		119.262.669.351	97.426.650.544
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.	102.151.443.602	76.022.268.090
2 Phải trả người bán	312	VIII.2.6	13.412.197.136	11.484.826.462
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.7	1.231.944.151	6.100.398.358
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11.	1.539.422.887	2.980.381.337
5 Phải trả người lao động	315		-	169.542.054
6 Chi phí phải trả	316	V.12.	-	63.330.990
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13.	18.770.814	12.850.257
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		908.890.761	593.052.996
II Nợ dài hạn	330		460.000.000	552.000.000
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.14.	460.000.000	552.000.000
B VỐN CHỦ SỞ HỮU(400=410+430)	400		120.959.935.216	78.834.170.777
I Vốn chủ sở hữu	410	V.15.	120.959.935.216	78.834.170.777
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		97.509.480.000	70.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		16.503.370.800	4.123.370.800
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	121.420.690
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		4.263.735.782	800.000.000
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		939.629.765	-
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.743.718.869	3.789.379.287
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		240.682.604.567	176.812.821.321

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc


Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng

Trần Anh Vương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16.	170.151.285.979	111.127.754.475
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI..	170.151.285.979	111.127.754.475
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.17.	158.589.523.084	104.108.796.760
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		11.561.762.895	7.018.957.715
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18.	15.971.860.158	27.305.556
7 Chi phí tài chính	22	VI.19.	5.204.565.211	2.471.276.811
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.204.565.211	2.471.276.811
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.8	5.819.250.708	4.230.628.080
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		16.509.807.134	344.358.380
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.9	38.818	123.809.524
12 Chi phí khác	32		-	108.571.705
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		38.818	15.237.819
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16.509.845.952	359.596.199
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.20.	262.911.058	-
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		16.246.934.894	359.596.199

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng

Trần Anh Vương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		90.273.193.899	118.076.727.154
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(141.914.043.624)	(144.897.828.013)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(1.467.103.366)	-
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(4.842.838.710)	(2.286.687.933)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(76.318.573)	(192.747.586)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		39.034.085.322	449.218.185
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(49.305.161.355)	(17.933.023.138)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(68.298.186.407)	(46.784.341.331)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.536.000)	(70.648.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.334.115.081)	(1.661.100.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.958.378.148	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.612.727.067	(1.731.748.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		26.440.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		117.832.257.741	110.070.989.791
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(91.795.082.229)	(59.414.979.201)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		52.477.175.512	50.656.010.590
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(6.208.283.828)	2.139.921.259
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.071.028.652	2.650.591.234
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		2.862.744.824	4.790.512.493

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng

Trần Anh Vương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Bắc Việt. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi đăng ký kinh doanh như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 03 tháng 02 năm 2010;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 24 tháng 03 năm 2010;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 05 năm 2010.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 05 năm 2010 vốn điều lệ của Công ty là: **108.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và sản xuất kết cấu thép.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
- Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tôi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
- Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyên phát;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính);
- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;
(Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3655 9257 Fax: (84 - 4) 3873 3648

Văn phòng giao dịch: Số 59 Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
(tiếp theo)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Misa.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
(tiếp theo)

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.
- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho :* Phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao <năm ></u>
Nhà cửa vật kiến trúc	6
Máy móc, thiết bị	5 - 6
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

3.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm kế toán Misa và phần mềm quản lý Easy.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
(tiếp theo)

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm >

Phần mềm máy vi tính

4

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Theo Quyết định số 09/2010/QĐHĐQT-BVS ngày 18 tháng 6 năm 2010, Công ty chuyển nhượng cổ phần của Công ty tại Công ty con là Công ty Cổ phần giao nhận vận chuyển Bắc Việt cho các thành viên góp vốn với giá trị chuyển nhượng bằng mệnh giá như sau: chuyển nhượng 10.000 cổ phần cho ông Nguyễn Hữu Bảo và 10.000 cổ phần cho Bà Tạ Thu Hằng.

Tại thời điểm 30/06/2010 Công ty không trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản ở giai đoạn trước hoạt động, chưa hoàn thành đầu tư.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm thép, xà gồ, kết cấu thép, doanh thu gia công kết cấu thép, cắt thép và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng thành viên, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số thực chi.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
(tiếp theo)

10.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

10.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

10.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với sản phẩm thép và gia công thép và các mặt hàng khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

10.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
1.1 Tiền		
Tiền mặt	158.722.533	126.737.110

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng	2.704.022.291	8.944.291.542
Tiền VND	2.183.375.966	6.490.357.721
-Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam -CN Hà Nội	1.062.779.188	7.885.145
-Ngân hàng TMCP Quân Đội	1.679.504	1.011.755
-Ngân hàng NN&PT Nông thôn	7.255.806	2.063.849.170
-Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex	1.095.082.984	4.402.696.426
-Ngân hàng Techcombank-CN Thăng Long	-	150.531
-Ngân hàng TMCP Bảo Việt	548.342	11.829.694
-Ngân hàng Indovina -CN Mỹ Đình	15.030.142	1.935.000
-Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội	1.000.000	1.000.000
Tiền ngoại tệ	520.646.325	2.453.933.821
-Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam -CN Hà Nội	13.024.362	13.614.348
-Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	1.596.870
-Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex	494.379.742	2.426.330.434
-Ngân hàng Techcombank-CN Thăng Long	-	4.326.521
-Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	-	4.658.820
-Ngân hàng NN&PT Nông thôn	13.242.221	3.406.828
Cộng	2.862.744.824	9.071.028.652
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	877.429.722
Phải thu khác	171.308.036	184.750.612
Cộng	171.308.036	1.062.180.334
3. Hàng tồn kho	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	121.656.000	9.768.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.098.390.435	1.164.662.343
Thành phẩm	119.595.147	1.749.858
Hàng hoá	24.159.777.020	26.394.638.702
Cộng giá gốc hàng tồn kho	25.499.418.602	27.570.818.903
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế xuất nhập khẩu	-	320.278.823
Cộng	-	320.278.823

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3655 9257 Fax: (84 - 4) 3873 3648

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện tải	vận	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
							Cộng	
Nguyên giá								
Số dư ngày 01/01/2010		1.996.114.081	5.188.931.422	4.892.007.128		567.490.656	12.644.543.287	
Mua trong kỳ		-	-	535.916.000		16.520.000	552.436.000	
Đầu tư XD/CB hoàn thành		-	-	-		-	-	
Tăng khác		-	-	-		-	-	
Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-		-	-	
Thanh lý, nhượng bán		-	-	-		-	-	
Giảm khác		-	-	-		-	-	
Số dư ngày 30/06/2010		1.996.114.081	5.188.931.422	5.427.923.128		584.010.656	13.196.979.287	
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư ngày 01/01/2010		1.733.221.928	4.122.423.433	3.215.368.170		390.432.969	9.461.446.500	
Khấu hao trong kỳ		151.857.690	124.722.164	232.010.070		52.362.697	560.952.621	
Chuyển sang BĐS đầu tư								
Thanh lý, nhượng bán								
Giảm khác								
Số dư ngày 30/06/2010		1.885.079.618	4.247.145.597	3.447.378.240		442.795.666	10.022.399.121	
Giá trị còn lại								
Tại ngày 01/01/2010		262.892.153	1.066.507.989	1.676.638.958		177.057.687	3.183.096.787	
Tại ngày 30/06/2010		111.034.463	941.785.825	1.980.544.888		141.214.990	3.174.580.166	

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.346.479.344 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán Misa	Phần mềm quản lý Easy Biz	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2010	10.400.000	26.500.000	36.900.000
Mua trong kỳ	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2010	10.400.000	26.500.000	36.900.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2010	10.400.000	26.500.000	36.900.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2010	10.400.000	26.500.000	36.900.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2010	-	-	-
Tại ngày 30/06/2010	-	-	-

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Dự án Logictis Bắc Ninh	99.332.273	99.332.273
Dự án Trường đại học Công nghệ Lý Thái Tổ	30.000.000	30.000.000
Cộng	129.332.273	129.332.273

8. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư dài hạn khác	-	-	50.000	3.060.000.000
Đầu tư cổ phiếu				
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư & Công nghệ Hưng Việt	-	-	50.000	3.060.000.000
Cộng	-	-	50.000	3.060.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
(tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn		30/06/2010	01/01/2010
		VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ		11.666.666	-
Cộng		11.666.666	-
10. Vay và nợ ngắn hạn		30/06/2010	01/01/2010
		VND	VND
Lãi suất/năm			
Vay ngắn hạn		102.151.443.602	76.022.268.090
<i>Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex</i>		6,5% -14,5%	42.552.900.000
<i>Ngân hàng NN&PTNT nam Hà Nội - PGD Nam Đô</i>		5,5% -14,5%	18.700.000.000
<i>Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam</i>		8,5% -14,5%	1.956.400.000
<i>Ngân hàng Indovina - PGD Mỹ Đình</i>		5,5%	30.531.750.000
<i>Vũ Hồng Thủy</i>		15%	3.001.664.109
<i>Tạ Thu Hằng</i>		15%	-
<i>Nguyễn Vũ Giang</i>		15%	4.043.143.336
<i>Các đối tượng khác</i>		15%	3.690.068.778
Cộng		102.151.443.602	76.022.268.090
11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		30/06/2010	01/01/2010
		VND	VND
Thuế GTGT đầu ra		321.297.546	1.063.239.886
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		-	877.429.722
Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.197.795.611	1.011.203.126
Thuế thu nhập cá nhân		20.329.730	28.508.603
Cộng		1.539.422.887	2.980.381.337
12. Chi phí phải trả		30/06/2010	01/01/2010
		VND	VND
Chi phí lãi vay		-	63.330.990
Cộng		-	63.330.990
13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		30/06/2010	01/01/2010
		VND	VND
Kinh phí công đoàn		18.770.814	12.850.257
Cộng		18.770.814	12.850.257

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

14. Vay và nợ dài hạn	Lãi suất/năm	30/06/2010	01/01/2010
		VND	VND
Vay dài hạn		460.000.000	552.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	10,5%	460.000.000	552.000.000
Cộng		460.000.000	552.000.000

15. **Vốn chủ sở hữu**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2009	56.971.910.000	-	200.144.843	57.172.054.843
Tăng vốn trong năm trước	13.028.090.000	4.123.370.800	-	17.151.460.800
Lãi trong năm trước	-	-	3.589.234.444	3.589.234.444
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2009	70.000.000.000	4.123.370.800	3.789.379.287	77.912.750.087
Tăng vốn trong kỳ này	27.509.480.000	12.380.000.000	-	39.889.480.000
Lãi trong kỳ này	-	-	16.246.934.894	16.246.934.894
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	18.292.595.312	18.292.595.312
Số dư tại ngày 30/06/2010	97.509.480.000	16.503.370.800	1.743.718.869	115.756.569.669

b) **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trần Anh Vương	21.730.000.000	21.730.000.000
Vũ Hữu Trí	21.730.000.000	21.730.000.000
Tạ Thu Hằng	1.300.000.000	1.300.000.000
Nguyễn Hữu Bảo	1.260.000.000	1.335.600.000
Phạm Cương	1.700.000.000	1.972.000.000
Các cổ đông khác	49.789.480.000	21.932.400.000
Cộng	97.509.480.000	70.000.000.000

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: 0

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	97.509.480.000	56.971.910.000
Vốn góp đầu kỳ	70.000.000.000	56.971.910.000
Vốn góp tăng trong kỳ	27.509.480.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	97.509.480.000	56.971.910.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.292.595.312	-

d) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 16%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không

đ) Cổ phiếu

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.800.000	6.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.750.948	5.697.191
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	5.697.191
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.750.948	5.697.191
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	5.697.191
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

e) Các quỹ của công ty	01/01/2010	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2010
Quỹ đầu tư phát triển	800.000.000	3.463.735.782	-	4.263.735.782
Quỹ dự phòng tài chính	-	939.629.765	-	939.629.765
Cộng	800.000.000	4.403.365.547	-	5.203.365.547

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 18,43% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
(tiếp theo)

Quý dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quý dự phòng tài chính được trích lập trong năm bằng 05% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

16. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hàng hoá và cung cấp dịch vụ	170.151.285.979	111.127.754.475
Cộng	170.151.285.979	111.127.754.475
17. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	158.589.523.084	104.108.796.760
Cộng	158.589.523.084	104.108.796.760
18. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	59.360.158	27.305.556
Cổ tức, lợi nhuận được chia năm 2009	15.912.500.000	-
Cộng	15.971.860.158	27.305.556
19. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.135.657.161	2.471.276.811
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	68.743.050	-
Chi phí tài chính khác	165.000	-
Cộng	5.204.565.211	2.471.276.811
20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	262.911.058	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
(tiếp theo)

Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào	-	-
chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	262.911.058	-

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

22. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	13.449.480.000	-

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan

		Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
	<u>Quan hệ với Công ty</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu			
Bán hàng cho Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	Công ty con	3.290.415.587	41.746.852.818
Bán hàng cho Công ty CP Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	18.796.432.582	-
Mua hàng			
Mua hàng của Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	Công ty con	6.101.743.342	858.321.401
Mua hàng của Công ty CP Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	5.311.768.534	-
Các khoản vay			
	Lãi suất (năm)		
Trần Anh Vương	12%	Chủ tịch hội đồng quản trị, kiêm giám đốc Công ty	38.236.558
Tạ Thu Hằng	15%	Kế toán trưởng	38.236.558

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
(tiếp theo)

1.2 Số dư với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Các khoản phải thu			
Công ty TNHH MTV Nội thất Bắc Việt	Công ty con	-	264.180.000
Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	Công ty con	63.822.231.311	-
Công ty CP Xây Dựng & PT Đô Thị Bắc Việt	Công ty liên kết	2.003.504.125	2.367.816.682
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	22.916.752.043	-
Các khoản phải trả			
Công ty CP Giao Nhận Vận chuyển Bắc Việt	Công ty liên kết	205.720.220	232.915.853
Công ty CP Thương Mại Bắc Việt	Công liên doanh	5.340.000.000	4.109.963.651
Công ty CP Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	-	1.476.518.212
Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	Công ty con	-	3.717.277.536
Các khoản vay			
Tạ Thu Hằng	Kế toán trưởng	-	4.043.143.336
2. Những thông tin khác			
2.1 <i>Phải thu của khách hàng</i>		30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện - Nhà máy 2		638.448.208	860.530.207
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Hà		15.434.139.366	13.654.851.891
Công ty Xi măng Nghi Sơn		-	781.415.220
Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt		63.822.231.311	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt		22.916.752.043	-
Nhà máy Chế tạo Thiết bị nâng hạ (Kho liên kết)		2.006.255.520	2.006.255.520
Công ty Cổ phần Xây Dựng & PT Đô Thị Bắc Việt		2.003.504.125	2.367.816.682
Công ty TNHH Thương mại Phú Nam		2.506.221.191	-
Công ty TNHH SX và TM Thanh Sơn		27.469.805	585.009.049
Các đối tượng khác		4.211.059.628	3.515.572.774
Cộng		113.566.081.197	23.771.451.343
2.2 <i>Trả trước cho người bán</i>		30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty Daito		-	958.138.397
Công ty Fantasia Technology Pte Ltd		-	34.606.375

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Công ty Zhongshan Zhongjing Import and Export Co.LTD			-	2.381.076.577
Công ty TNHH TM và SX Nam Phát			5.580.135	-
Công ty Wuxi Zonhai Intl Corporation Ltd			17.152.447	-
Cộng			22.732.582	3.373.821.349
2.3 Tài sản ngắn hạn khác			30/06/2010	01/01/2010
			VND	VND
Tạm ứng			244.257.000	1.350.056.421
- Ngô Xuân Thọ			20.500.000	14.000.000
- Tạ Anh Tuấn			-	203.795.000
- Đặng Thu Thủy			51.300.000	11.360.000
- Ngô Xuân Lộc			15.000.000	38.000.000
- Vũ Thanh Bình			24.227.000	28.000.000
- Trần Anh Vương			37.980.000	707.562.941
- Nguyễn Văn Mừng			7.750.000	137.750.000
- Vũ Đức Dũng			2.000.000	40.000.000
- Vũ Đình Đông			30.000.000	53.000.000
- Vũ Ngọc Sang			2.000.000	25.000.000
- Các đối tượng khác			53.500.000	91.588.480
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn			-	10.057.084.772
Cộng			244.257.000	11.407.141.193
2.4 Đầu tư vào Công ty con	<i>Tỷ lệ phần trăm quyền biểu</i>	<i>Tỷ lệ phần trăm vốn</i>	30/06/2010	01/01/2010
			VND	VND
Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	100%	100%	30.894.184.137	30.643.232.337
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Bắc Việt	51%	51%	1.146.244.400	1.105.942.400
Công ty Cổ phần Giao nhận vận chuyển Bắc Việt			-	1.701.000.000
Công ty TNHH MTV Nội thất Bắc Việt	100%	100%	914.259.660	914.259.660
Công ty Cổ phần Kim khí Bắc Việt	80%	80%	20.534.770.000	20.531.770.000
Công ty Cổ phần Công Nghệ Bắc	65%	65%	28.964.915.892	31.675.054.611
Cộng			82.454.374.089	86.571.259.008
2.5 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh			30/06/2010	01/01/2010
			VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết				
Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bắc Việt			1.452.457.000	1.452.457.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
(tiếp theo)

Công ty Cổ phần Giao nhận vận chuyển Bắc Việt	1.701.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh		
Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt	6.222.000.000	6.222.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư & Công nghệ Hưng Việt	3.060.000.000	-
Cộng	12.435.457.000	7.674.457.000
2.6 Phải trả người bán	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty TNHH Thép Mê Lin	543.234.957	-
Công ty TNHH Kim khí Hoàng Minh	886.236.494	-
Công ty Cổ phần Thép Việt Thanh	1.737.718.239	-
Công ty TNHH TM Phú Nam	-	2.220.273.438
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận chuyển Bắc Việt	205.720.220	232.915.853
Công ty Cổ Phần Thép Thành Đạt	-	634.052.855
Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt	5.340.000.000	4.109.963.651
Công ty TNHH Thương mại Đồng Đạt	1.791.191.135	876.866.213
Công ty HongKong Tanglong Trading Limited	-	291.044.250
Công ty TNHH Kim Khí Chương Dương	98.097.999	275.941.833
Sumitomo (S.H.I) Construction Machinery Co.,Ltd	1.844.160.000	1.844.160.000
Các đối tượng khác	965.838.092	999.608.369
Cộng	13.412.197.136	11.484.826.462
2.7 Người mua trả tiền trước	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	-	1.476.518.212
Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	-	3.717.277.536
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư XL TM - XN KD VL xây dựng	-	166.939.402
Nhà máy Chế tạo Thiết bị Nâng hạ (Kho liên kết)	725.849.440	725.849.440
Công ty TNHH Hưng Bình	201.592.490	-
Cửa hàng Kim khí Hưng Pháp	190.919.709	-
Các đối tượng khác	113.582.512	13.813.768
Cộng	1.231.944.151	6.100.398.358
2.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
	đến 30/06/2010	đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.468.979.462	980.638.875
Chi phí khấu hao TSCĐ	563.285.955	815.570.952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.786.985.291	2.434.418.253
Cộng	5.819.250.708	4.230.628.080

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
(tiếp theo)

2.9 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	-	123.809.524
Thu nhập khác	38.818	-
Cộng	38.818	123.809.524

2.10 Chi phí khác

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý	-	108.571.705
Cộng	-	108.571.705

2.11 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 do Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt lập, một số chỉ tiêu đã được phân loại cho phù hợp với thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Người lập



Nguyễn Thị Thông

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Giám đốc



Trần Anh Vương

